



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên
độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 0400101556 ngày 2 tháng 8 năm 2013
Đăng ký Kinh doanh số

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0400101556 ngày 2 tháng 8 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Văn Phô Ông Nguyễn Đức Trị Ông Phạm Văn Tân Ông Đào Ngọc Phương Bà Đoàn Thị Xuân	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Huệ Ông Phan Hữu Phu Bà Nguyễn Thị Kim Dung Bà Nguyễn Thị Phương Mai Ông Nguyễn Thanh Liêm	Trưởng ban (từ 27 tháng 4 năm 2013) Trưởng ban (đến 27 tháng 4 năm 2013) Thành viên (từ 27 tháng 4 năm 2013) Thành viên (từ 27 tháng 4 năm 2013) Thành viên (đến 27 tháng 4 năm 2013) Thành viên (đến 27 tháng 4 năm 2013)
Ban điều hành	Ông Nguyễn Đức Trị Ông Nguyễn Văn Phước Ông Trần Đình Thành Ông Đinh Duy Tường Ông Nguyễn Văn Hải Ông Bùi Đình Thành Bà Hoàng Thùy Oanh Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Ông Nguyễn Văn Cường	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ 1 tháng 3 năm 2013) Giám đốc điều hành (đến 1 tháng 3 năm 2013) Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành (từ 1 tháng 3 năm 2013) Kế toán trưởng
Trụ sở đăng ký	36 Phố Ông Ích Đường Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ Thành phố Đà Nẵng Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) và các công ty con chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.


Thay mặt Ban điều hành

Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, 27-08-2013



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 8 năm 2013, được trình bày từ trang 5 đến trang 47. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban điều hành Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu giới hạn ở việc phỏng vấn cán bộ của Tổng Công ty và các công ty con và áp dụng các thủ tục phân tích đối với các số liệu tài chính. Do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn so với một cuộc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện một cuộc kiểm toán và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng chúng tôi đồng thời xin lưu ý người đọc về Thuyết minh số 3(m) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phi hồi tố Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành cho việc hạch toán trợ cấp thôi việc. Thuyết minh 3(m) trình bày ảnh hưởng lên báo cáo tài chính trong trường hợp Tổng Công ty và các công ty con áp dụng quy định của Bộ Luật Lao động và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản Dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 chưa được soát xét.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 13-02-082



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2013

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		606.821.098.789	550.632.581.679
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	23.798.613.812	28.074.527.675
Tiền	111		19.783.613.812	8.173.433.455
Các khoản tương đương tiền	112		4.015.000.000	19.901.094.220
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	204.223.855.949	134.033.222.513
Phải thu khách hàng	131		188.627.313.899	126.808.365.864
Trả trước cho người bán	132		9.960.153.310	4.368.433.768
Các khoản phải thu khác	135		6.411.152.623	2.856.422.881
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(774.763.883)	-
Hàng tồn kho	140	6	354.701.358.732	361.958.072.526
Hàng tồn kho	141		355.142.158.732	362.398.872.526
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(440.800.000)	(440.800.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		24.097.270.296	26.566.758.965
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.134.672.507	1.681.869.233
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.988.887.939	21.303.309.286
Thuế và các khoản khác phải thu	154		330.673.226	157.877.994
Nhà nước				
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.643.036.624	3.423.702.452
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		422.004.913.051	423.928.635.428
Tài sản cố định	220		371.565.976.782	395.340.532.185
Tài sản cố định hữu hình	221	7	358.945.572.433	384.020.174.100
<i>Nguyên giá</i>	222		673.306.314.357	706.382.185.384
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(314.360.741.924)	(322.362.011.284)
Tài sản cố định vô hình	227	8	1.023.000.468	1.174.751.371
<i>Nguyên giá</i>	228		3.254.510.643	3.141.609.643
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.231.510.175)	(1.966.858.272)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	11.597.403.881	10.145.606.714
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	11.445.075.401	12.004.750.949
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		7.959.834.446	8.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		4.445.702.000	4.405.702.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(960.461.045)	(900.951.051)
Tài sản dài hạn khác	260		38.993.860.868	16.583.352.294
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	37.873.167.306	15.392.615.384
Lợi thế thương mại	269	12	1.120.693.562	1.190.736.910
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.028.826.011.840	974.561.217.107

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		797.996.291.713	735.212.126.709
Nợ ngắn hạn	310		634.583.907.968	571.513.507.575
Vay ngắn hạn	311	13	388.854.169.171	299.338.031.562
Phải trả người bán	312		141.415.979.760	160.206.775.506
Người mua trả tiền trước	313		6.177.047.647	11.317.302.672
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	9.958.959.133	5.712.349.747
Phải trả người lao động	315		63.677.755.318	59.353.919.192
Chi phí phải trả	316	15	7.865.700.943	10.041.784.768
Các khoản phải, phải nộp khác	319	16	11.787.376.920	21.907.477.455
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	17	4.846.919.076	3.635.866.673
Vay và nợ dài hạn	330		163.412.383.745	163.698.619.134
Vay dài hạn	334	18	163.412.383.745	163.698.619.134
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	19	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		215.277.104.358	223.494.487.992
Vốn chủ sở hữu	410	20	215.277.104.358	223.494.487.992
Vốn cổ phần	411	21	150.000.000.000	150.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	23	33.456.594.220	25.690.869.377
Quỹ dự phòng tài chính	418	23	10.104.631.290	5.538.018.129
Lợi nhuận chưa phân phối	420		21.715.878.848	42.265.600.486
LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	24	15.552.615.769	15.854.602.406
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		1.028.826.011.840	974.561.217.107

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01a – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2013	31/12/2012
Ngoại tệ		
• USD	712.141	103.532
• EUR	364	371
Vật tư, hàng hóa nhận gia công - VND	15.315.365.842	14.940.486.625

Người lập:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

27 -08- 2013

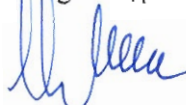
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2013 VND	30/6/2012 VND Chưa soát xét
Tổng doanh thu	01	25	1.172.798.537.496	826.135.763.007
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	375.902.549	726.571.561
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		1.172.422.634.947	825.409.191.446
Giá vốn hàng bán	11		1.050.745.545.693	737.305.511.652
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		121.677.089.254	88.103.679.794
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	4.448.286.284	2.932.135.261
Chi phí tài chính	22	27	19.023.510.122	15.191.478.956
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		10.650.029.814	11.936.935.053
Chi phí bán hàng	24		37.602.641.941	22.758.917.258
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		40.862.003.737	29.867.997.342
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		28.637.219.738	23.217.421.499
Thu nhập khác	31	28	1.651.037.842	1.414.489.785
Chi phí khác	32		878.340.873	440.465.645
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		772.696.969	974.024.140
Lỗ được chia từ công ty liên kết	41	10	(540.165.554)	-
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		28.869.751.153	24.191.445.639
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.457.938.651	2.378.366.918
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		26.411.812.502	21.813.078.721
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		1.449.091.036	3.178.213.359
Chủ sở hữu của Công ty	62		24.962.721.466	18.634.865.362
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.664	1.242

Người lập:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

27-08-2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2013 VND	30/6/2012 VND Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		28.869.751.153	24.191.445.639
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		38.341.207.027	28.801.514.567
Các khoản dự phòng	03		834.273.877	243.869.487
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		3.313.702.594	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(129.275.087)	(988.066.103)
Chi phí lãi vay	06		10.650.029.814	11.936.935.053
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		81.879.689.378	64.185.698.643
Biến động các khoản phải thu	09		(66.042.830.669)	(114.966.709.640)
Biến động hàng tồn kho	10		7.256.713.794	93.788.447
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(27.389.429.048)	63.675.411.573
Biến động chi phí trả trước	12		(22.419.585)	2.531.734.510
			(4.318.276.130)	15.519.923.533
Tiền lãi vay đã trả	13		(11.506.891.271)	(11.948.340.322)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(2.621.584.650)	(865.874.241)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		10.000.000	12.865.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.050.828.370)	(2.965.672.834)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.487.580.421)	(247.098.864)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(38.407.543.887)	(94.571.007.518)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		492.146.299	745.120.915
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(40.000.000)	(50.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		657.294.342	582.945.188
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.298.103.246)	(93.292.941.415)

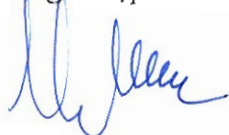
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2013 VND	30/6/2012 VND Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông thiểu số của các công ty con	32		-	3.648.200.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		878.908.078.242	662.654.278.757
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(793.474.247.395)	(573.535.712.306)
Tiền trả cổ tức	36		(30.000.000.000)	(22.358.460.882)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số của các công ty con	37		(907.700.000)	(1.124.394.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		54.526.130.847	69.283.911.069
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(4.259.552.820)	(24.256.129.210)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		28.074.527.675	35.855.115.262
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(16.361.043)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	23.798.613.812	11.598.986.052

Người lập:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

27 -08- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con dưới đây và các lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết. Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

Các công ty con của Tổng Công ty gồm:

Công ty con	Hoạt động chính	30/6/2013 và 31/12/2012	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, gia dầy; bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da	76,88%	76,88%
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); bán buôn hàng may mặc, nguyên phụ liệu và máy móc thiết bị ngành may.	32,14%	54%
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); bán buôn hàng may mặc, nguyên phụ liệu và máy móc thiết bị ngành may.	54,18%	54,18%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty và các công ty con có 7.351 nhân viên (31/12/2012: 6.980 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ của Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3-5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 – 3 năm.

(ii) Chi phí đào tạo

Chi phí đào tạo được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 – 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Ngoại trừ dự phòng trợ cấp thôi việc như được ghi nhận theo mô tả dưới đây, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tổng Công ty và các công ty con và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tổng Công ty và các công ty con không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp, dựa trên các ước tính hợp lý nhất của Ban điều hành đối với nghĩa vụ này.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo Thông tư 180, khi lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu nguồn trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (Tài khoản 351 - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp sẽ hạch toán tăng thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và không được chuyển số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm sang năm sau sử dụng. Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Thông tư 180 cũng áp dụng cho dự phòng trợ cấp thôi việc. Theo đó, Tổng Công ty và các công ty con đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 vào thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và sẽ không tiếp tục trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc. Sự thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Nếu Tổng Công ty và các công ty con áp dụng theo chính sách kế toán cho dự phòng trợ cấp thôi việc theo Bộ luật Lao động và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản Dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng*, nợ dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và lợi nhuận thuần cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày sẽ tăng và giảm tương ứng 6.601 triệu VND và 6.271 triệu VND (sau khi trừ ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại 330 triệu VND).

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty và các công ty con phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty và các công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty và các công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

- Các khoản được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Tổng Công ty và các công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty và các công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi hàng hóa được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và các quy định như nhau.

(u) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty và các công ty con, các nhân viên quản lý chủ chốt của Tổng Công ty và các công ty con, các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này và các công ty con và công ty liên kết của các cá nhân này và các công ty liên kết của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	258.051.352	252.908.585
Tiền gửi ngân hàng	19.525.562.460	7.920.524.870
Các khoản tương đương tiền	4.015.000.000	19.901.094.220
	<hr/>	<hr/>
	23.798.613.812	28.074.527.675
	<hr/>	<hr/>

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 135.535 triệu VND (31/12/2012: 126.808 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

6. Hàng tồn kho

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	59.193.249.279	33.252.189.527
Nguyên vật liệu	107.305.451.495	120.239.771.470
Công cụ và dụng cụ	189.841.930	156.683.261
Sản phẩm dở dang	118.377.998.136	131.728.278.618
Thành phẩm	56.989.102.839	64.408.116.303
Hàng hóa	4.212.182.214	1.432.717.571
Hàng gửi đi bán	8.874.332.839	11.181.115.776
	<hr/>	<hr/>
	355.142.158.732	362.398.872.526
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(440.800.000)	(440.800.000)
	<hr/>	<hr/>
	354.701.358.732	361.958.072.526
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	440.800.000	109.721.905
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	-	440.800.000
Sử dụng dự phòng trong kỳ/năm	-	(50.206.982)
Hoàn nhập	-	(59.514.923)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	440.800.000	440.800.000
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 271.480 triệu VND (31/12/2012: 270.140 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có 2.762 triệu VND giá trị hàng thành phẩm (31/12/2012: 2.762 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	140.172.986.523	504.043.052.952	23.044.411.447	8.495.204.932	30.626.529.530	706.382.185.384
Tăng trong kỳ	1.119.210.064	19.296.500.532	2.413.783.070	805.460.002	441.480.372	24.076.434.040
Chuyển từ xây dựng cơ bản đó đang	5.061.987.480	3.813.251.160	656.482.728	97.138.182	2.335.465.454	11.964.325.004
Thanh lý	-	-	-	(143.648.049)	-	(143.648.049)
Phân loại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(33.388.934)	(282.485.803)	-	(147.398.457)	(61.045.022)	(524.318.216)
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(523.467.247)	(34.245.001.709)	(55.459.067)	(2.396.070.839)	(2.855.897.281)	(40.075.896.143)
Xóa sổ	(259.071.225)	(24.992.384.418)	(36.751.818)	(1.456.879.786)	(1.627.680.416)	(28.372.767.663)
Số dư cuối kỳ	145.538.256.661	467.632.932.714	26.022.466.360	5.253.805.985	28.858.852.637	673.306.314.357
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	49.628.041.573	240.219.703.401	11.498.246.959	6.197.776.722	14.818.242.629	322.362.011.284
Khấu hao trong kỳ	3.824.263.373	29.963.201.419	1.241.130.228	570.827.075	2.345.228.666	37.944.650.761
Thanh lý	-	-	-	(143.648.049)	-	(143.648.049)
Phân loại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(21.346.356)	(254.979.291)	-	(134.156.441)	(45.057.040)	(455.539.128)
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(269.068.274)	(13.890.714.488)	(15.418.509)	(980.623.156)	(1.818.140.854)	(16.973.965.281)
Xóa sổ	(259.071.225)	(24.992.384.418)	(36.751.818)	(1.456.879.786)	(1.627.680.416)	(28.372.767.663)
Số dư cuối kỳ	52.902.819.091	231.044.826.623	12.687.206.860	4.053.296.365	13.672.592.985	314.360.741.924
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	90.544.944.950	263.823.349.551	11.546.164.488	2.297.428.210	15.808.286.901	384.020.174.100
Số dư cuối kỳ	92.635.437.570	236.588.106.091	13.335.259.500	1.200.509.620	15.186.259.652	358.945.572.433

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty và các công ty con phân loại giá trị còn lại của các tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định sang chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 128.613 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 122.531 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 335.142 triệu VND (31/12/2012: 310.512 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	3.141.609.643
Tăng trong kỳ	392.628.000
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(261.727.000)
Xóa sổ	(18.000.000)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.254.510.643
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.966.858.272
Khấu hao trong kỳ	326.512.918
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(43.861.015)
Xóa sổ	(18.000.000)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.231.510.175
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.174.751.371
Số dư cuối kỳ	1.023.000.468
	<hr/>

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty và các công ty con phân loại giá trị còn lại của các tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn theo Thông tư số 45.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.291 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (31/12/2012: 1.287 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	10.145.606.714	19.754.186.349
Tăng trong kỳ/năm	13.938.481.847	107.559.950.179
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.964.325.004)	(115.311.757.350)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(522.359.676)	(1.856.772.464)
Số dư cuối kỳ/năm	11.597.403.881	10.145.606.714

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 chủ yếu phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Chi tiết biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	8.500.000.000	-
Tăng trong kỳ/năm	-	8.500.000.000
Lỗi từ công ty liên kết	(540.165.554)	-
	7.959.834.446	8.500.000.000

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	900.951.051	955.028.875
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	59.509.994	-
Hoàn nhập	-	(54.077.824)
	960.461.045	900.951.051

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ, dụng cụ VND	Chi phí đào tạo VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	5.754.697.226	5.954.414.178	3.683.503.980	15.392.615.384
Tăng trong kỳ	2.782.672.452	-	1.053.285.570	3.835.958.022
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	522.359.676	522.359.676
Xóa sổ	-	-	(931.678.151)	(931.678.151)
Phân loại từ tài sản cố định (*)	21.476.798.194	-	1.842.998.653	23.319.796.847
Phân bổ trong kỳ	(1.206.235.847)	(922.084.620)	(2.137.564.005)	(4.265.884.472)
Phân loại lại	1.466.775.018	(46.788.826)	(1.419.986.192)	-
	30.274.707.043	4.985.540.732	2.612.919.531	37.873.167.306

(*) Khoản này thể hiện giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư 45, được phân loại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình trong kỳ (Thuyết minh 7 và 8), và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại, nhưng không quá 3 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

12. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.400.866.953
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	210.130.043
Khấu hao trong kỳ	70.043.348
Số dư cuối kỳ	280.173.391
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu kỳ	1.190.736.910
Số dư cuối kỳ	1.120.693.562

13. Vay ngắn hạn

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	374.872.532.990	259.597.800.367
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18)	13.981.636.181	39.740.231.195
	388.854.169.171	299.338.031.562



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng HSBC - (a)	USD	3% - 3,5%	77.146.380.709	56.599.061.457
Ngân hàng ANZ - (a)	USD	3% - 3,3%	38.376.885.018	66.163.631.181
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng - (b)	USD	3% - 3,5%	71.205.168.208	29.532.654.416
Ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh Đà Nẵng - (c)	USD	3% - 3,5%	61.580.640.889	53.493.652.041
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - (d)	USD	3%	39.724.824.684	28.349.569.989
Vay từ ban liên lạc hưu trí - (d)	VND	8%	103.776.000	91.000.000
Ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh Đà Nẵng - (d)	VND	14,8% - 17,6%	-	1.037.529.491
Ngân hàng Indovina - (e)	USD	3,5%	34.618.242.273	8.303.527.502
Ngân hàng TMCP Quân đội- (f)	USD	3% - 3,3%	26.447.659.463	2.070.719.912
Ngân hàng TMCP Công thương - (g)	USD	3% - 3,5%	25.668.955.746	13.956.454.378
			374.872.532.990	259.597.800.367

- (a) Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu lần lượt có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 104.480 triệu VND (31/12/2012: 104.000 triệu VND) và 105.535 triệu VND (31/12/2012: 104.000 triệu VND).
- (b) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 3.805 triệu VND (31/12/2012: 3.805 triệu VND).
- (c) Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 50.000 triệu VND (31/12/2012: 50.000 triệu VND).
- (d) Khoản vay không được đảm bảo.
- (e) Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho và tài sản cố định lần lượt có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 27.000 triệu VND (31/12/2012: 30.000 triệu VND) và 28.000 triệu VND (31/12/2012: không).
- (f) Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 60.000 triệu VND (31/12/2012: 60.000 triệu VND).
- (g) Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu lần lượt có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 30.000 triệu VND (31/12/2012: 30.000 triệu VND) và 30.000 triệu VND (31/12/2012: 30.000 triệu VND).



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	7.428.706.007	3.286.377.269
Thuế xuất nhập khẩu	21.675.221	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.216.702.643	2.380.348.642
Thuế thu nhập cá nhân	100.740.002	45.581.836
Các loại thuế khác	191.135.260	42.000
	<hr/>	<hr/>
	9.958.959.133	5.712.349.747
	<hr/>	<hr/>

15. Chi phí phải trả

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động	4.502.356.771	7.160.886.447
Chi phí lãi vay	55.569.218	912.430.675
Chi phí hoa hồng, chi phí vận chuyển và chi phí khác	3.307.774.954	1.968.467.646
	<hr/>	<hr/>
	7.865.700.943	10.041.784.768
	<hr/>	<hr/>

16. Các khoản phải, phải nộp khác

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	4.799.017.458	4.927.376.561
Bảo hiểm xã hội	689.360.146	117.916.103
Bảo hiểm y tế	48.311.524	964.059
Phải trả tiền tạm ứng mua cổ phiếu	-	11.493.048.000
Các khoản phải trả khác	6.250.687.792	5.368.172.732
	<hr/>	<hr/>
	11.787.376.920	21.907.477.455
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Trong các khoản phải trả phải trả khác có các khoản phải trả, phải nộp khác cho các bên liên quan như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tập đoàn Dệt May Việt Nam	-	11.000.000.000
Các bên liên quan khác	-	493.048.000

Khoản phải trả công ty mẹ và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013	Năm kết thúc ngày 31/12/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	3.635.866.673	1.014.338.266
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ/năm	4.023.482.773	6.371.005.239
Tăng khác	238.398.000	236.144.630
Sử dụng quỹ trong kỳ/năm	(3.050.828.370)	(3.985.621.462)
Số dư cuối kỳ/năm	4.846.919.076	3.635.866.673

18. Vay dài hạn

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	177.394.019.926	203.438.850.329
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13)	(13.981.636.181)	(39.740.231.195)
Hoàn trả sau 12 tháng	163.412.383.745	163.698.619.134

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản vay 1 (a)	VND	7,8% - 8,4%	2019	60.311.635.988	65.075.635.988
Khoản vay 2 (b)	USD	7,5%	2018	33.641.370.843	53.556.878.436
Khoản vay 3	USD	5,5% - 6,25%	2018	31.855.324.786	34.556.195.847
Khoản vay 4	USD	3%	2017	13.297.410.000	14.570.500.000
Khoản vay 5	USD	5,8%	2020	10.268.015.161	-
Khoản vay 6 (c)	USD	7,5%	2018	7.531.948.522	11.722.300.290
Khoản vay 7	VND	0%	2014	7.308.386.000	9.768.386.000
Khoản vay 8	VND	0%	2018	8.391.633.000	9.154.133.000
Khoản vay 9	USD	5,8%	2015	2.262.670.400	2.746.539.250
Khoản vay 10	VND	13%	2018	1.309.218.262	-
Khoản vay 11	USD	6%	2014	557.573.066	1.021.194.308
Khoản vay 12	USD	6,4%	2014	423.279.778	556.551.470
Khoản vay 13	USD	6%	2014	174.787.067	320.113.885
Khoản vay 14	VND	12,5%	2013	-	240.200.000
Khoản vay 15	USD	5,2%	2013	60.767.053	150.221.855
				177.394.019.926	203.438.850.329

- (a) Khoản vay này bao gồm nhiều lần rút vốn và được bảo đảm bằng tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 125.434 triệu VND (31/12/2012: 130.339 triệu VND).
- (b) Khoản vay này bao gồm nhiều lần rút vốn và được bảo đảm bằng tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 85.209 triệu VND (31/12/2012: 104.075 triệu VND).
- (c) Khoản vay này bao gồm nhiều lần rút vốn và được bảo đảm bằng tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 20.594 triệu VND (31/12/2012: 21.606 triệu VND).

Các khoản vay dài hạn còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 72.100 triệu VND (31/12/2012: 25.627 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

19. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	-	3.626.530.510
Nhận hỗ trợ kinh phí từ Công ty TNHH MTV Tập đoàn Dệt may Việt Nam	-	766.465.116
Dự phòng lập trong kỳ/năm	-	73.271.100
Dự phòng sử dụng trong kỳ/năm	-	(854.172.360)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	-	(3.612.094.366)
Số dư cuối kỳ/năm	-	-

Tổng Công ty và các công ty con đã chuyển số dư quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác theo quy định của Thông tư 180/2012/TT-BTC ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1/1/2012	150.000.000.000	13.552.488.247	3.226.232.333	40.533.158.577	207.311.879.157
Lợi nhuận thuần trong kỳ - chưa soát xét	-	-	-	18.634.865.362	18.634.865.362
Phân bổ vào các quỹ - chưa soát xét	-	12.138.381.130	2.311.785.796	(14.450.166.926)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi - chưa soát xét	-	-	-	(5.539.716.701)	(5.539.716.701)
Cổ tức - chưa soát xét	-	-	-	(22.997.000.000)	(22.997.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2012 - chưa soát xét	150.000.000.000	25.690.869.377	5.538.018.129	16.181.140.312	197.410.027.818
Số dư tại ngày 1/1/2013	150.000.000.000	25.690.869.377	5.538.018.129	42.265.600.486	223.494.487.992
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	24.962.721.466	24.962.721.466
Phân bổ vào các quỹ	-	7.765.724.843	4.566.613.161	(12.332.338.004)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(3.180.105.100)	(3.180.105.100)
Cổ tức	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2013	150.000.000.000	33.456.594.220	10.104.631.290	21.715.878.848	215.277.104.358

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

21. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2013 và 31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.000.000	150.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

22. **Cổ tức**

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty vào ngày 27 tháng 4 năm 2013 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 30.000 triệu VND (20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012).

23. **Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

(a) **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

(b) **Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

24. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	15.854.602.406	10.399.497.022
Vốn góp	-	3.648.200.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ/năm	1.449.091.036	5.385.433.922
Cổ tức	(907.700.000)	(2.747.240.000)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	(843.377.673)	(831.288.538)
	15.552.615.769	15.854.602.406

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	30/6/2012 VND Chưa soát xét
Tổng doanh thu	1.172.798.537.496	826.135.763.007
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(375.902.549)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(726.571.561)
Doanh thu thuần	1.172.422.634.947	825.409.191.446

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lãi tiền gửi	417.294.342	242.945.188
Cổ tức được chia	240.000.000	180.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.764.828.043	2.465.642.831
Doanh thu hoạt động tài chính khác	26.163.899	43.547.242
	<hr/>	<hr/>
	4.448.286.284	2.932.135.261

27. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí lãi vay	10.650.029.814	11.936.935.053
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	59.509.994	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.000.267.720	3.238.489.834
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.313.702.594	-
Chi phí tài chính khác	-	16.054.069
	<hr/>	<hr/>
	19.023.510.122	15.191.478.956

28. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
		Chưa soát xét
Thu từ thanh lý tài sản cố định	492.146.299	745.120.915
Các khoản mục khác	1.158.891.543	669.368.870
	<hr/>	<hr/>
	1.651.037.842	1.414.489.785

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

29. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND Chưa soát xét
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.235.438.153	2.378.366.918
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	222.500.498	-
	<u>2.457.938.651</u>	<u>2.378.366.918</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND Chưa soát xét
Lợi nhuận trước thuế	28.869.751.153	24.191.445.639
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	2.886.975.115	2.419.144.564
Ưu đãi thuế	(1.420.450.342)	(889.581.155)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	367.373.968	1.075.015.652
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	55.168.513	499.567.412
Chi phí không được khấu trừ thuế	57.955.234	172.004.823
Thu nhập không bị tính thuế	(24.000.000)	(18.000.000)
Giảm thuế (*)	-	(930.018.943)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	312.415.665	50.234.565
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	222.500.498	-
	<u>2.457.938.651</u>	<u>2.378.366.918</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất trong khoảng từ 10% đến 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(i) Đối với Tổng Công ty

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm 2007 và 25% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 – 2019). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25% trong năm 2013, 22% từ năm 2014 và 20% từ năm 2016.

(*) Theo Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính, các hoạt động của Tổng Công ty thỏa mãn quy định về doanh nghiệp dệt may sử dụng nhiều lao động, do đó, Tổng Công ty được giảm 30% chi phí thuế thu nhập từ hoạt động dệt may cho năm 2012.

(ii) Đối với các công ty con

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, theo đó các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập với mức thuế suất 22% lợi nhuận chịu thuế từ năm 2014 và 20% từ năm 2016.

(*) Theo Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính, các hoạt động của các công ty con thỏa mãn định nghĩa Doanh nghiệp vừa và nhỏ và do đó các công ty được giảm 30% chi phí thuế thu nhập cho năm 2012.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 24.962.721.466 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012: 18.634.865.362 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 15.000.000 cổ phiếu (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012: 15.000.000 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	24.962.721.466	18.634.865.362

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
		Chưa soát xét
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	15.000.000	15.000.000

31. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty và các công ty con phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty và các công ty con có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty và các công ty con sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty và các công ty con chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty và các công ty con gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban điều hành có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con. Ban điều hành có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty và các công ty con gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tổng Công ty và các công ty con. Tổng Công ty và các công ty con, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty và các công ty con nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	23.540.562.460	27.821.619.090
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	194.263.702.639	129.664.788.745
		<hr/>	<hr/>
		217.804.265.099	157.486.407.835

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Tổng Công ty và các công ty con chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty và các công ty con.

(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này. Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty và các công ty con chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban điều hành của Tổng Công ty và các công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty và các công ty con đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban điều hành. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tổng Công ty và các công ty con không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty và các công ty con. Ban điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Quá hạn từ 0 - 30 ngày	4.727.837.925	11.459.341.198
Quá hạn từ 31 - 180 ngày	1.572.085.208	5.006.558.473
Quá hạn trên 180 ngày	9.343.018.650	8.623.330.693
	15.642.941.783	25.089.230.364

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Giai đoạn sáu	Năm kết thúc
	tháng kết thúc	ngày 31/12/2012
	ngày 30/6/2013	ngày 31/12/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	-	-
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	774.763.883	-
	774.763.883	-



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty và các công ty con không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty và các công ty con là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng Công ty và các công ty con luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tồn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty và các công ty con.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

30/6/2013	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	155.485.864.549	155.485.864.549	155.485.864.549	-	-	-
Vay ngắn hạn	374.872.532.990	379.649.470.023	379.649.470.023	-	-	-
Vay dài hạn	177.394.019.926	203.399.722.556	50.008.611.062	42.516.404.466	93.845.876.458	17.028.830.570
	707.752.417.465	738.535.057.128	585.143.945.634	42.516.404.466	93.845.876.458	17.028.830.570
31/12/2012	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	187.109.781.006	187.109.781.006	187.109.781.006	-	-	-
Vay ngắn hạn	259.597.800.367	261.012.713.012	261.012.713.012	-	-	-
Vay dài hạn	203.438.850.329	224.938.796.113	52.701.206.249	43.874.170.478	100.777.694.566	27.585.724.820
	650.146.431.702	673.061.290.131	500.823.700.267	43.874.170.478	100.777.694.566	27.585.724.820

Tổng Công ty và các công ty con quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty và các công ty con có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”) và Euro (“EUR”).

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty và các công ty con có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản trong đương tiền	712.141	364	103.535	371
Phải thu khách hàng	7.105.259	-	5.482.384	-
Tài sản ngắn hạn khác	7.070	3.893	43.961	3.893
Phải trả người bán	(3.985.867)	(12.438)	(5.340.116)	(13.520)
Vay ngắn hạn	(17.755.662)	-	(12.417.452)	-
Vay dài hạn	(4.741.230)	-	(5.726.663)	-
	(18.658.289)	(8.181)	(17.854.351)	(9.256)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
VND/USD	21.107	20.815
VND/EUR	27.436	27.423

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tổng Công ty và các công ty con sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
30/6/2013	
USD (mạnh thêm 3% so với VND)	(11.223.884.419)
EUR (mạnh thêm 5% so với VND)	(10.661.561)
31/12/2012	
USD (mạnh thêm 3% so với VND)	(10.591.692.008)
EUR (mạnh thêm 5% so với VND)	(12.056.796)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tổng Công ty và các công ty con.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, 177.394 triệu VND (31/12/2012: 99.632 triệu VND) vay dài hạn của Tổng Công ty và các công ty con chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty và các công ty con không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty và các công ty con như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Vay ngắn hạn	103.776.000	229.027.616.460
Vay dài hạn	28.997.429.000	103.807.018.494
	<u>29.101.205.000</u>	<u>332.834.634.954</u>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Vay ngắn hạn	374.768.756.990	30.570.183.907
Vay dài hạn	148.396.590.926	99.631.831.835
	<u>523.165.347.916</u>	<u>130.202.015.742</u>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 4.970 triệu VND (2012: 1.236 triệu VND) lợi nhuận thuần của Tổng Công ty và các công ty con. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(e) **Giá trị hợp lý**

(i) **So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	23.798.613.812	23.798.613.812	28.074.527.675	28.074.527.675
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	194.263.702.639	194.263.702.639	129.664.788.745	129.664.788.745
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(155.485.864.549)	(155.485.864.549)	(187.109.781.006)	(187.109.781.006)
- Vay ngắn hạn	(374.872.532.990)	(374.872.532.990)	(259.597.800.367)	(259.597.800.367)
- Vay dài hạn	(177.394.019.926)	(*)	(203.438.850.329)	(*)
	(489.690.101.014)	(*)	(492.407.115.282)	(*)

(ii) **Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị hợp lý của phải thu khách hàng và phải thu khác được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

(*) Liên quan đến giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn, Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý để thuyết minh thông tin theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này, và (ii) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND Chưa soát xét
Công ty TNHH MTV Tập đoàn Dệt may Việt Nam Cổ tức công bố	21.484.964.000	16.469.657.237
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Lương	3.209.727.756	3.075.365.569
Thưởng	148.444.872	267.500.000

33. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	89.980.000.000	84.750.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	42.690.000.000	5.800.000.000
	132.670.000.000	90.550.000.000



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	704.849.673.738	548.628.310.519
Chi phí nhân công	231.462.714.572	154.255.184.369
Chi phí khấu hao	38.271.163.679	28.731.471.219
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	87.910.112.964	67.753.142.952

Người lập:

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

27 -08- 2013

